

Số: **1276**/QĐ-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày **15** tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy định Công bố thông tin**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 về việc Ban hành Quy chế công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam và công ty con;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/07/2021 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 110801/2023/NQ-HĐQT ngày 08/11/2023 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt Quy định Công bố thông tin sửa đổi bổ sung lần 4;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức – Nhân sự.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định Công bố thông tin” (QC.01.00.09/23).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18/12/2023 và thay thế Quyết định số 712/QĐ-PECC2 ngày 23/12/2013 về việc Ban hành Quy định Công bố thông tin.

**Điều 3.** Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị trong Công ty căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chơn Hùng



**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**





---

**QC.01.00.09/23**

**QUY ĐỊNH**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ban hành theo Quyết định số 1276/QĐ-PECC2 ngày 15/12/2023)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 12/2023

<b>PECC2</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2	Mã số: QC.01.00.09/23
	<b>QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	Lần ban hành: 04 Ngày hiệu lực: 18/12/2023 Trang: 1/27
<b>NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN PHỐI</b>		
Đại diện Lãnh đạo về chất lượng		01
Đơn vị soạn thảo		01
Lưu Văn thư, Ban ISO		02
<b>Tổng cộng</b>		<b>04</b>
<b>CHỦ TRÌ SOẠN THẢO: Phòng Tổ chức – Nhân sự</b>		
<b>NGƯỜI LẬP</b>		<b>NGƯỜI KIỂM TRA</b>
Chữ ký: 		Chữ ký: 
Họ và tên: <b>Huỳnh Văn Quang</b> Chức vụ: <b>Người quản trị Công ty</b>		Họ và tên: <b>Phạm Liên Hải</b> Chức vụ: <b>Phó Tổng Giám đốc</b>
<b>THAM GIA XEM XÉT:</b>		
<ol style="list-style-type: none"> <li>Ban ISO</li> <li>TK1</li> <li>Ban TGD</li> <li>HDQT</li> </ol>		
<b>NGƯỜI DUYỆT</b>		
Chữ ký: 		
		
Họ và tên: <b>Nguyễn Chơn Hùng</b> Chức vụ: <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>		



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Mã số: QC.01.00.09/23

**QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**


Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 18/12/2023

Trang: 2/27

**BẢNG THEO DÕI NHỮNG THAY ĐỔI**

<b>Lần ban hành</b>	<b>Điểm sửa đổi</b>	<b>Trang sửa đổi</b>	<b>Mục sửa đổi</b>	<b>Nội dung sửa đổi so với lần ban hành trước</b>	<b>Ghi chú</b>
1				Ban hành lần đầu.	Ban hành kèm theo Quyết định số: 453/QĐ-TV2 ngày 16/8/2010 của HĐQT.
2	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	- Thay đổi kết cấu Quy định phù hợp với nội dung. - Nội dung của Quy định được hiệu chỉnh phù hợp với các quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính và Quy chế CBTT tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội của Sở giao dịch chứng khoán HN.	Ban hành kèm theo Quyết định số: 712/QĐ-TV2 ngày 23/12/2013.
3	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Nội dung của Quy định được hiệu chỉnh phù hợp với các quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính (Thay thế Thông tư 52); Quyết định số 606/QĐ-SGDCK về việc ban hành Quy chế CBTT tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quyết định số 296/QĐ-UBCK ban hành quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng hệ thống CBTT của UBCKNN	Ban hành kèm theo Quyết định số 1285/QĐ-TV2 ngày 28/8/2017
4	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Nội dung của Quy định được hiệu chỉnh phù hợp với các quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính (Thay thế Thông tư 155); Quyết định	Ban hành kèm theo Quyết định số 1276 ngày 15/12/2023

	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		Mã số: QC.01.00.09/23
	<b>QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>		Lần ban hành: 04
			Ngày hiệu lực: 18/12/2023
			Trang: 3/27
		số 21/QĐ-SGDVN về việc ban hành Quy chế CBTT tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Quyết định số 450/QĐ-UBCK ban hành quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng hệ thống CBTT của UBCKNN.	
<p><b>I. MỤC ĐÍCH</b></p> <p>Quy định này tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghiệp vụ Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2; đảm bảo thực hiện một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật cũng như để thuận lợi cho các bộ phận liên quan của Công ty, nhà đầu tư và các đối tượng có liên quan.</p> <p>Việc Công bố thông tin theo quy định này nhằm công khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, tình hình quản trị Công ty, giúp cơ quan quản lý nhà nước, các nhà đầu tư, tổ chức tài trợ vốn, cho vay, khách hàng nắm được thực trạng hoạt động của Công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét, thiết lập các quan hệ kinh tế, đầu tư, giao dịch với Công ty; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và những người liên quan đến Công ty, đồng thời chấp hành nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>II. TÀI LIỆU LIÊN QUAN</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</li> <li>– Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;</li> <li>– Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;</li> <li>– Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;</li> <li>– Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;</li> <li>– Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống CBTT của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021;</li> </ul>			



- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN về việc ban hành Quy chế CBTT tại SGDCK Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2;
- Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2;

### III. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT

#### 3.1. Các định nghĩa

1. *Điều lệ Công ty*: Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty.
2. *Người nội bộ của Công ty*: là cá nhân theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán.
3. *Người có liên quan*: là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
4. *Ban Điều hành*: Gồm Hội đồng thành viên, BKS, Ban TGD.
5. *Đơn vị*: Chi nhánh, Trung tâm, Phòng, Ban trực thuộc Công ty.
6. *Đơn vị Quản lý*: Gồm Văn phòng, Phòng Kinh doanh, Phòng Tổ chức – Nhân sự, Tài chính – Kế toán, Hợp tác Quốc tế và Marketing, Ban Pháp chế, Ban Đầu tư.
7. *Đơn vị khoán*: Các Trung tâm tư vấn/Ban đang hoạt động theo Quy chế khoán của Công ty.
8. *Báo cáo tài chính năm*: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán.
9. *Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét*: là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020. Báo cáo đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
10. *Báo cáo tài chính quý*: là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020.
11. *Đối tượng CBTT*: gồm Công ty, Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2, 3, Điều 2 Quy định này.
12. *Người thực hiện CBTT của Công ty*: Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT.
13. *Thông tin định kỳ*: theo quy định tại Điều 8 Quy định này.



14. *Thông tin bất thường*: theo quy định Điều 9 Quy định này.
15. *Website*: Trang thông tin điện tử.
16. *Thông tư 96/2020/TT-BTC*: Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của BTC hướng dẫn về việc CBTT trên thị trường chứng khoán.
17. *Nghị định 155/2020/NĐ-CP*: Nghị định 155/2020/NĐ-BTC ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
18. *Quy chế CBTT của UBCKNN*: Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống CBTT của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021.
19. *Quy chế CBTT SGDCK Việt Nam*: Quy chế CBTT tại SGDCK Việt Nam Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc SGDCK Việt Nam.

### 3.2. Từ viết tắt

PECC2/Công ty	: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
HDQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
TGD	: Tổng Giám đốc
Ban TGD	: Gồm TGD và các Phó TGD
TK HDQT	: Thư ký Hội đồng quản trị
TK01	: Thư ký Công ty
TCNS	: Phòng Tổ chức – Nhân sự
TCKT	: Phòng Tài chính – Kế toán
CNTT	: Phòng Công nghệ thông tin
VP	: Văn phòng
KD	: Phòng Kinh doanh
ĐT	: Ban Đầu tư
M&IC	: Phòng Hợp tác Quốc tế & Marketing
NLĐ	: Người lao động
VSD	: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
UBCKNN	: Ủy ban chứng khoán Nhà nước



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Mã số: QC.01.00.09/23

**QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 18/12/2023

Trang: 6/27

SGDCK : Sở giao dịch chứng khoán  
CBTT : Công bố thông tin  
NDDTPL : Người đại diện theo Pháp luật  
ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông



## IV. NỘI DUNG

### Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho việc CBTT có hiệu lực thi hành đối với Công ty, cổ đông Công ty, Người nội bộ của Công ty, người có liên quan theo quy định của Luật chứng khoán và các đối tượng khác có liên quan theo quy định của pháp luật về CBTT.

#### Điều 2. Người thực hiện Công bố thông tin

- Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua 01 NĐDTPL hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT của Công ty.
  - Việc CBTT do NĐDTPL hoặc Người được ủy quyền CBTT thực hiện. Người được ủy quyền CBTT của Công ty là Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm. NĐDTPL phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả NĐDTPL và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT;
  - Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.01 ban hành kèm theo Quy định này, Bản cung cấp thông tin theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.02 ban hành kèm theo Quy định này.
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và CBTT theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### Điều 3. Nguyên tắc Công bố thông tin

- Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú,



số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Công ty khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
4. Việc CBTT của tổ chức phải do NĐDTPL hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc CBTT do người thực hiện CBTT thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 2 Quy định này.
5. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo Quy định này như sau:
  - a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
  - b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.
6. Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này. Thông tin công bố trên website phải nêu rõ thời điểm (ngày, giờ) CBTT.
7. Ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
8. Ngôn ngữ thực hiện CBTT là tiếng Việt. Thông tin công bố cần phải rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu nhầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.



Khuyến khích thực hiện thêm CBTT bằng tiếng Anh. Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung CBTT bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung CBTT bằng tiếng Việt đã được công bố. Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

9. Việc CBTT phải thực hiện đúng mẫu quy định ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quy chế CBTT của SGDCK Việt Nam và Quy định này.

#### **Điều 4. Phương tiện và tài liệu CBTT**

1. Công ty thực hiện CBTT thông qua các phương tiện sau:
  - Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
  - Hệ thống CBTT của UBCKNN;
  - Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK.
2. Công ty phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:
  - a) Công ty phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký Công ty đại chúng với UBCKNN và khi thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK;
  - b) Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
  - c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;
  - d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.



3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

4. Tài liệu Công bố thông tin

Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 1 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

5. Hình thức Công bố thông tin

Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

#### **Điều 5. Tạm hoãn Công bố thông tin**

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn của người được ủy quyền CBTT, trách nhiệm của người thực hiện CBTT của Công ty**

1. Tiêu chuẩn của người được ủy quyền CBTT
  - Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng;
  - Có kiến thức kế toán, tài chính, luật;
  - Nắm vững các quy định của pháp luật về chứng khoán và CBTT, các quy định, quy chế hướng dẫn CBTT của UBCKNN;
  - Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.
2. Trách nhiệm của người thực hiện CBTT của Công ty
  - Thực hiện CBTT theo quy định;



- Chịu trách nhiệm đảm bảo về thời gian và tính chính xác của nội dung công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Công khai tên, số điện thoại để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- Giám sát việc CBTT trong năm và định kỳ trước ngày 30 tháng 01 của năm kế tiếp, thực hiện báo cáo kết quả hoạt động CBTT trong năm cho TGD, HĐQT Công ty theo mẫu Báo cáo BM.QĐ.01.00.09.03 ban hành kèm theo Quy định này.

**Điều 7. Trách nhiệm, quan hệ giữa các đơn vị trong Công ty, tổ chức, cá nhân có liên quan khác trong việc cung cấp thông tin cho người thực hiện CBTT của Công ty**

1. Đối với các Đơn vị trong Công ty:
  - a) Người thực hiện CBTT của Công ty trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Đơn vị đó.
    - Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người thực hiện CBTT.
    - Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định tại Điều 9, 10 Quy định này, Trưởng các đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho Người thực hiện CBTT của Công ty.
    - Đối với thông tin phải công bố trong vòng 24 giờ, Trưởng các đơn vị liên quan phải cung cấp cho Người thực hiện CBTT của Công ty trước 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện (nếu được thông báo trước) hoặc chậm nhất 02 giờ sau khi xảy ra sự kiện.
  - b) Trong trường hợp CBTT thông qua người được ủy quyền: Người được ủy quyền CBTT tổng hợp các thông tin để trình NĐDTPL phê duyệt: nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện công bố các thông tin theo quy định.
  - c) Phòng TCKT gửi BCTC bản điện tử (01) và file dữ liệu cho Người thực hiện CBTT của Công ty sớm hơn quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ít nhất một (01) ngày hoặc ngay khi có BCTC, để Người thực hiện CBTT làm thủ tục CBTT theo quy định của pháp luật.
  - d) Trách nhiệm cung cấp thông tin, quan hệ giữa các đơn vị trong Công ty trong hoạt động CBTT được quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.



2. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân khác
  - a. Giám đốc các Chi nhánh, KTT Chi nhánh và các đơn vị trong Công ty phối hợp hoàn thành tiến độ BCTC của Đơn vị, hoàn thành dữ liệu chung tổng hợp lập BCTC toàn Công ty để TCKT Công ty cấp thông tin cho Người thực hiện CBTT của Công ty theo thời hạn CBTT BCTC nêu tại Khoản 1, 2, 3, Điều 8 Quy định này .
  - b. Giám đốc các Chi nhánh, KTT Chi nhánh báo cáo bằng văn bản (trên đường công văn Công ty) khi Chi nhánh nhận được Quyết định xử phạt vi phạm về thuế xảy ra tại chi nhánh để Người thực hiện CBTT của Công ty thực hiện các bước CBTT bất thường theo quy định.
  - c. Cổ đông Công ty, Người nội bộ của Công ty, người có liên quan và các đối tượng khác có liên quan có trách nhiệm cung cấp kịp thời thông tin cần công bố cho Người thực hiện CBTT của Công ty và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin.

## Chương 2

### NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### Điều 8. Công bố định kỳ

Các loại thông tin cần công bố định kỳ

##### 1. Báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- a. BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
  - Trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC năm của riêng đơn vị mình và BCTC năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
  - Trường hợp công ty là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố BCTC năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
  - Trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC năm tổng hợp và BCTC năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
- b. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của công



ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC;

c. Thời hạn công bố BCTC năm

Công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính bán niên

Công ty phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a. BCTC bán niên phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

b. BCTC bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét BCTC. Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

c. Thời hạn công bố BCTC bán niên

Công ty phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính quý

Công ty phải công bố BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)

a. BCTC quý phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

b. Toàn văn BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp BCTC quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý



## QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty phải công bố BCTC quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố BCTC quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý;

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố BCTC quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý;

Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.

4. Khi công bố thông tin các BCTC nêu tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
  - a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
  - b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
  - c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
5. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở BCTC của công ty mẹ hoặc BCTC tổng hợp và BCTC hợp nhất.
6. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định theo Biểu mẫu BM.QĐ.01.00.09.04 ban hành kèm theo Quy định này và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán.

#### 7. Họp ĐHĐCĐ thường niên

- a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp ĐHĐCĐ, trong

**QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- b) Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Quy định này.

#### 8. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

Công ty phải CBTT về Báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.05 và Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.06 ban hành kèm theo Quy định này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

#### **Điều 9. Công bố thông tin bất thường**

1. Công ty phải thực hiện CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động, Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.07 ban hành kèm theo Quy định này và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi;

- c) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Mã số: QC.01.00.09/23

**QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 18/12/2023

Trang: 16/27

- d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
- i) Công ty thực hiện đăng ký mô hình công ty, loại báo cáo tài chính công bố thông tin khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định tại điểm f và h Khoản 1 Điều này theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.08 ban hành kèm theo Quy định này.
- j) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;
- k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết, Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.09 ban hành kèm theo Quy định này. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:
- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;



## QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của NLD theo quy chế phát hành cổ phiếu cho NLD của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT;
- l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ, Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.10 ban hành kèm theo Quy định này (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.02 ban hành kèm theo Quy định này;  

Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.02, Công ty báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.11 ban hành kèm theo Quy định này.
- m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;
- n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
- o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- q) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
- r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;
- s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;



## QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

- t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- u) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất);
- v) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
2. Khi CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
3. CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
- a) Việc CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Quy định này;
- b) Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
4. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
- a) Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
- b) Công ty bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn CBTT của từng loại BCTC quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 8 Quy định này.
6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác
- Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Mã số: QC.01.00.09/23

**QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 18/12/2023

Trang: 19/27

pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

**Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Công ty phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
  - a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
  - b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

**Điều 11. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
  - a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.12 hoặc BM.QĐ.01.00.09.13 ban hành kèm theo Quy định này;
  - b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;



- c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
- d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;
- e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.14 hoặc BM.QĐ.01.00.09.15 ban hành kèm theo Quy định này;
- f) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 12 Quy định này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 12 Quy định này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 12 Quy định này.
3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, đăng ký giao dịch hoặc quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ



niêm yết, công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, SGDCCK, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

**Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty**

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo Biểu mẫu BM.QĐ.01.00.09.16 ban hành kèm theo Quy định này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Biểu mẫu BM.QĐ.01.00.09.17 ban hành kèm theo Quy định này.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải CBTT và báo cáo Công ty, UBCKNN và SGDCCK về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 01% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:



- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
  - Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
  - Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
  - Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
  - Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
  - Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK.
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện CBTT theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.11 và BM.QĐ.01.00.09.12 ban hành kèm theo Quy định này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.
5. Quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.
6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

### **Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

### **Điều 14. Công bố thông tin niêm yết trái phiếu doanh nghiệp**



Khi Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

### **Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty**

CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

#### **1. CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

Công ty phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống CBTT của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### **2. CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ**

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

### **Điều 16. Điều chỉnh thông tin công bố**

Trường hợp sau khi thực hiện CBTT, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, NĐDTPL hoặc Người được ủy quyền CBTT có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

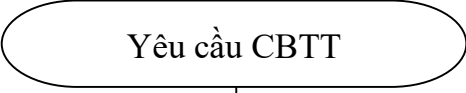
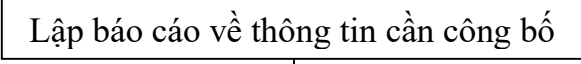
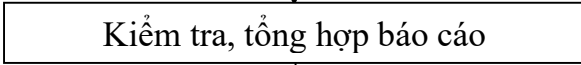
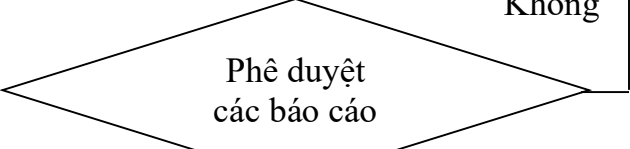

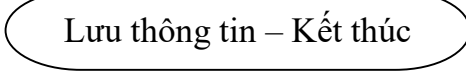
### **Điều 17. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng**

Các bộ phận liên quan, Người được ủy quyền CBTT được TGD ủy quyền làm việc với các phương tiện thông tin đại chúng thông qua một số hình thức như: *Trả lời phỏng vấn, đưa thông tin và viết bài về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty...* phải được TGD duyệt các thông tin dự định cung cấp, đề cập... và phải chịu trách nhiệm trước TGD về nội dung thông tin cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng.

**Chương 3**  
**QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 18. Quy trình Công bố thông tin**

1. Quy trình

Trách nhiệm	Tiến trình	Diễn giải
Người thực hiện CBTT của Công ty		2.a
Các đơn vị		2.b
Người thực hiện CBTT của Công ty		2.c
HĐQT/TGD		2.d
Người thực hiện CBTT của Công ty		2.e
Văn thư		2.f

2. Diễn giải

a. *Yêu cầu CBTT*: theo định kỳ hoặc khi phát sinh thông tin cần công bố (bất thường hoặc theo yêu cầu), Người thực hiện CBTT của Công ty gửi thông báo bằng văn bản/Thư điện tử yêu cầu các đơn vị liên quan thực hiện các công việc liên quan đến CBTT theo quy định.

b. *Lập báo cáo CBTT*

– Khi nhận được yêu cầu của Người thực hiện CBTT của Công ty, các đơn vị có trách nhiệm liên quan như quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, thực hiện lập các báo cáo về các thông tin cần công bố theo các biểu mẫu đính kèm Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quy chế CBTT của SGDK và các biểu mẫu liên quan của Công ty.

– Các đơn vị gửi báo cáo (bằng văn bản và dữ liệu điện tử) về các thông tin công bố cho Người thực hiện CBTT của Công ty trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu đối với các thông tin phải công bố định kỳ.



- Đối với thông tin phải công bố trong vòng 24 giờ thực hiện theo các quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này.
- c. Kiểm tra, hiệu chỉnh và tổng hợp báo cáo*
  - Sau khi nhận được báo cáo của các đơn vị, Người thực hiện CBTT của Công ty kiểm tra về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin và biểu mẫu sử dụng, tiến hành hiệu chỉnh (nếu chưa đáp ứng yêu cầu) và tổng hợp thành báo cáo CBTT của Công ty theo các biểu mẫu liên quan theo quy định.
  - Sau khi tổng hợp, Người thực hiện CBTT của Công ty gửi Báo cáo tổng hợp lại cho các đơn vị để xác nhận trước khi trình HĐQT/TGĐ.
  - Đối với thông tin phải công bố bất thường hoặc theo yêu cầu thì Người thực hiện CBTT của Công ty sau khi tổng hợp phải gửi lại các đơn vị xác nhận.
- d. Phê duyệt báo cáo:* Các thông tin phải công bố trong vòng 24 giờ, HĐQT/TGĐ phê duyệt báo cáo về các thông tin công bố trước thời điểm phải công bố 12 giờ. Trường hợp không phê duyệt, HĐQT/TGĐ phản hồi lý do lại cho Người thực hiện CBTT của Công ty.
- e. CBTT:* Người thực hiện CBTT của Công ty thực hiện CBTT theo quy định tại Chương 1 và Chương 2 Quy định này.
- f. Lưu thông tin:* Các thông tin đã công bố được lưu trữ tại bộ phận Văn thư thuộc Văn phòng Công ty theo Khoản 5, Điều 3, Quy định này.

#### **Chương 4**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 19. Khen thưởng**

Các cá nhân, đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác quản lý, CBTT có tác dụng tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được Công ty xét thưởng theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

#### **Điều 20. Trách nhiệm và xử lý vi phạm về thời gian Công bố thông tin**

1. Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy định này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Ngoài các hình thức xử lý như trên, các vi phạm về tính chính xác của nội dung CBTT sẽ là căn cứ để tính và thanh toán lương – thưởng, căn cứ để



xét các danh hiệu thi đua và đánh giá hiệu quả công việc trong quá trình công tác của cá nhân và đơn vị liên quan.

## **Chương 5 TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 21. Hiệu lực thi hành**

- Quy định này gồm năm (05) Chương, hai mươi hai (22) Điều, có hiệu lực kể từ ngày 18/12/2023.
- Các đối tượng áp dụng nêu trên có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

### **Điều 22. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi bổ sung, các cá nhân/đơn vị góp ý bằng văn bản/thư điện tử gửi về phòng TCNS/TK1 để tổng hợp trình TGD xem xét, hiệu chỉnh./.

## **V. PHỤ LỤC, BIỂU MẪU**

<b>PHỤ LỤC</b>		
1	Phụ lục	Mối quan hệ giữa các Đơn vị trong Công ty trong hoạt động CBTT
<b>BIỂU MẪU</b>		
1	BM.QĐ.01.00.09.01	Giấy ủy quyền thực hiện CBTT
2	BM.QĐ.01.00.09.02	Bản cung cấp thông tin
3	BM.QĐ.01.00.09.03	Báo cáo hoạt động CBTT
4	BM.QĐ.01.00.09.04	Báo cáo thường niên
5	BM.QĐ.01.00.09.05	Báo cáo tình hình quản trị công ty
6	BM.QĐ.01.00.09.06	Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty
7	BM.QĐ.01.00.09.07	Thông báo thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động
8	BM.QĐ.01.00.09.08	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính
9	BM.QĐ.01.00.09.09	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
10	BM.QĐ.01.00.09.10	Thông báo Thay đổi nhân sự
11	BM.QĐ.01.00.09.11	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ
12	BM.QĐ.01.00.09.12	Thông báo giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan người nội bộ



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Mã số: QC.01.00.09/23


**QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 18/12/2023

Trang: 27/27

13	BM.QĐ.01.00.09.13	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
14	BM.QĐ.01.00.09.14	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan
15	BM.QĐ.01.00.09.15	Báo cáo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
16	BM.QĐ.01.00.09.16	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng
17	BM.QĐ.01.00.09.17	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng
18	BM.QĐ.01.00.09.18	CBTT bất thường
19	BM.QĐ.01.00.09.19	CBTT định kỳ
20	BM.QĐ.01.00.09.20	Danh sách Người nội bộ và Người có liên quan
21	BM.QĐ.01.00.09.21	Danh sách cổ đông nhà nước và cổ đông lớn

	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2	Mã số: QC.01.00.09/23
	<b>QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	Lần ban hành: 04
		Ngày hiệu lực: 18/12/2023

**PHỤ LỤC: MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TY TRONG HOẠT ĐỘNG CBTT**

STT	Phân loại thông tin	Người CBTT	Chủ trì cung cấp thông tin	Phối hợp cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Thông tin định kỳ</b>				
1	BCTC kiểm toán năm, soát xét bán niên, quý	TK01	TCKT	TCKT các chi nhánh, đơn vị khoán	
2	Báo cáo thường niên	TK01	TK01	TK HĐQT, VP, KD, TCNS, TCKT, M&IC, PC, ĐT, TR&D và các đơn vị	
3	Họp ĐHĐCĐ thường niên: - Thông báo, Thư mời - Tài liệu họp (Chương trình, các Quy chế, Thư ứng cử/đề cử, Báo cáo, Tờ trình ĐH,...) - Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ	TK01	- TK01 - TK01, TCKT, KD, ĐT - TK01	- Ban tổ chức ĐH - Ban tổ chức ĐH - Thư ký ĐH, PC	
4	Báo cáo tình hình quản trị Công ty, Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty	TK01	TK01	TK HĐQT, BKS, NNB, NCLQ NNB	
<b>B</b>	<b>Thông tin bất thường</b>				
1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	TK01	TCKT		
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	TK01	PC/ TK HĐQT/ TCNS		Tùy trường hợp mà đơn vị liên quan sẽ chủ trì cung cấp thông tin

STT	Phân loại thông tin	Người CBTT	Chủ trì cung cấp thông tin	Phối hợp cung cấp thông tin	Ghi chú
3	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	TK01	TK01	PC	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	TK01	TK01	TK HĐQT	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	TK01	TK01	TCKT	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.	TK01	TK HĐQT/PC		Tùy trường hợp mà đơn vị liên quan sẽ chủ trì cung cấp thông tin
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	TK01	TCKT		
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	TK01	ĐT		

STT	Phân loại thông tin	Người CBTT	Chủ trì cung cấp thông tin	Phối hợp cung cấp thông tin	Ghi chú
9	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty.	TK01	TK01	TK HĐQT	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	TK01	TK01		
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGĐCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.02 ban hành kèm theo Quy định này.	TK01	TCNS	NNB	
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.	TK01	TCKT	Đơn vị có liên quan việc mua, bán tài sản	
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	TK01	PC	NNB	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	TK01	PC/TCKT		Tùy trường hợp mà đơn vị liên quan sẽ chủ trì cung cấp thông tin
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	TK01	PC		
16	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	TK01	TK01		
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.	TK01			
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGĐCK nước ngoài	TK01	TK01		

STT	Phân loại thông tin	Người CBTT	Chủ trì cung cấp thông tin	Phối hợp cung cấp thông tin	Ghi chú
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	TK01	TK01	TK HĐQT	
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất).	TK01	ĐT/TCKT		Tùy trường hợp mà đơn vị liên quan sẽ chủ trì cung cấp thông tin.
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	TK01	ĐT		
22	CBTT về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	TK01	TK01		
23	CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	TK01	TK01		
24	CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố.	TK01	TCKT	Tổ chức kiểm toán	
25	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới.	TK01	TCKT	TCKT các chi nhánh, đơn vị khoán	
<b>C</b>	<b>Thông tin theo yêu cầu</b>				
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	TK01	TK01		
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	TK01	TK01		
<b>D</b>	<b>Thông tin của NNB và NCLQ của NNB</b>	<b>TK01</b>	<b>NNB</b>	<b>NCLQ</b>	

STT	Phân loại thông tin	Người CBTT	Chủ trì cung cấp thông tin	Phối hợp cung cấp thông tin	Ghi chú
E	Thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	TK01	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan		
F	Thông tin về giao dịch chào mua công khai	TK01	TK01		
H	Thông tin khác				
2	Thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	TK01	TK01		
3	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	TK01	TK01		
4	Thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	TK01	TK01		

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /UQ-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng... năm ...  
Ho Chi Minh City, month ... day ... year ...

**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

**I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”)** (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)  
*/Principal (hereinafter referred to as “Party A”) (is a company, organization with obligation to disclose information):*

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty/ *Trading name of organization, company:* .....
- Mã chứng khoán/ *Securities code:* .....
- Địa chỉ liên lạc/ *Address:* .....
- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax:..... Email:.....
- Website:.....

**II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)** */Attorney-in-fact (hereinafter referred to as “Party B”):*

- Ông (Bà)/ *Mr (Ms/Mrs):*.....
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.):* .....
- Ngày cấp/ *Date of issue:* ..... Nơi cấp/ *Place of issue:* .....
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent residence:* .....
- Chức vụ tại tổ chức, công ty/ *Position in the organization, company:* .....

**III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):**

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A/ *Party B is appointed as the “Authorized person to disclose information” of Party A.*
- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

*Party B, on behalf of Party A, is responsible to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.*

*Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của ... (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ)/ This Power of Attorney shall take effect from ... until a written notice of revocation is submitted by ... (Name of organization, company/ Name of fund management company).*

**BÊN A / NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**PARTY A / LEGAL REPRESENTATIVE**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  
*(Signature, full name and seal)*

**BÊN B / PARTY B**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*  
*(Signature, full name)*

**Tài liệu đính kèm/ Attachments:**

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu BM.QĐ.01.00.09.02/*Curriculum vitae of the authorized person to disclose information as form BM.QĐ.01.00.09.02.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

....., ngày.... tháng ... năm....  
....., day .... month .... year....

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Họ và tên /*Full name*: .....
2. Giới tính/Sex: .....
3. Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: .....
4. Nơi sinh/*Place of birth*: .....
5. Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: .....
- Ngày cấp/*Date of issue*:..... Nơi cấp/*Place of issue*:.....
6. Quốc tịch/*Nationality*: .....
7. Dân tộc/*Ethnic*: .....
8. Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:.....
9. Số điện thoại/*Telephone number*: .....
10. Địa chỉ email/*Email*: .....
11. Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: .....
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: .....
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies*: .....
14. Số CP nắm giữ: ..... chiếm ..... % vốn điều lệ, trong đó/  
*Number of owning shares* ..... , *accounting for* ..... % of *charter capital, of which*:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):* .....

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:* .....

15. Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):* .....

16. Danh sách người có liên quan của người khai\* /*List of affiliated persons of declarant:*

---

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (Nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company	Loại hình giấy NSH(*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/ Head office address	Số Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 Reasons (When arising changes related to sections of 13 and 14	Ghi chú (Về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* .....

18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* .....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI/DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Signature, full name)*

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TU VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PECC2-...

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

V/v Báo cáo hoạt động Công bố thông tin năm

...

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2);

Căn cứ Quy định Công bố thông tin của PECC2 ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày .../.../2023;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Thực hiện việc Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty theo quy định tại Điểm g, Khoản 3, Điều 128, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định Chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Người được ủy quyền công bố thông tin xin báo cáo HĐQT về hoạt động Công bố thông tin năm 2023 của Công ty như sau:

### I. Công bố thông tin định kỳ

Trong năm ..., Công ty đã thực hiện công bố thông tin định kỳ như sau:

STT	Nội dung thông tin công bố	Đơn vị cung cấp thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Ngày công bố thông tin
<b>1</b>	<b>Báo cáo tài chính</b>			
1.1	...			
<b>2</b>	<b>Họp ĐHĐCĐ thường niên</b>			
2.1	...			
<b>3</b>	<b>Báo cáo thường niên 2023</b>			
<b>4</b>	<b>Báo cáo tình hình quản trị Công ty</b>			

### II. Công bố thông tin bất thường, 24 giờ

Trong năm ..., Công ty đã thực hiện công bố thông tin bất thường, 24 giờ như sau:

<b>STT</b>	<b>Nội dung thông tin công bố</b>	<b>Đơn vị cung cấp thông tin</b>	<b>Thời điểm phát sinh thông tin</b>	<b>Ngày công bố thông tin</b>
...	...			

**III. Công bố thông tin theo yêu cầu**

**IV. Công bố thông tin về các hoạt động khác**

**V. Ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM về nội dung thông tin công bố**

Trên đây là nội dung Báo cáo hoạt động công bố thông tin năm ..., Người được ủy quyền công bố thông tin kính báo cáo HĐQT.

*Nơi nhận:*

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- ...
- Lưu: VT, ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: /BC-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, month ... day ... year ...

## BÁO CÁO /ANNUAL REPORT

Thường niên năm ... /Year ...

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

### I. Thông tin chung/General information

#### 1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.: ...
- Vốn điều lệ/Charter capital: .....
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: .....
- Địa chỉ/Address: .....
- Số điện thoại/Telephone: .....
- Số fax/Fax: .....
- Website: .....
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): .....
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).
- Các sự kiện khác/ Other events: .....

#### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).
  - Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).
3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*
- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.
  - Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.
  - Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).
4. *Định hướng phát triển/Development orientations*
- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*.
  - Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.
  - Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.
5. *Các rủi ro/Risks*:(Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

## **II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year**

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations*
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and*

*movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

## *2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource*

- *Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*
- *Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List the changes in the Board of Management in the year).*
- *Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

## *3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation*

- a. *Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*
- b. *Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

## *4. Tình hình tài chính/Financial situation*

- a. *Tình hình tài chính/Financial situation*

<b>Chỉ tiêu/ Indicators</b>	<b>Năm/ Year X-1</b>	<b>Năm/ Year X</b>	<b>% tăng giảm/ % change</b>
<p><i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i></p> <p>Tổng giá trị tài sản/<i>Total asset</i></p> <p>Doanh thu thuần/<i>Net revenue</i></p> <p>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i></p> <p>Lợi nhuận khác/<i>Other profits</i></p> <p>Lợi nhuận trước thuế/<i>Profit before tax</i></p> <p>Lợi nhuận sau thuế/<i>Profit after tax</i></p> <p>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/<i>Payout ratio</i></p>			
<p><i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i></p> <p>Tổng giá trị tài sản/<i>Total asset value</i></p> <p>Doanh thu/<i>Revenues</i></p> <p>Thuế và các khoản phải nộp/<i>Taxes and payables</i></p> <p>Lợi nhuận trước thuế/<i>Before tax profit</i></p> <p>Lợi nhuận sau thuế/<i>After tax profit</i></p>			

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators:*

<b>Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i></b>	<b>Năm/ <i>Year X-1</i></b>	<b>Năm/ <i>Year X</i></b>	<b>Ghi chú/Note</b>
<p><i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio:</i></p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio:</i></p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i></p>			
<p><i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p>			
<p><i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover:</i></p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>+ Vòng quay tổng tài sản/<i>Total asset turnover:</i></p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)</p>			

<p><i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)</p>			
--	--	--	--

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bankfinancial institutions:

<b>Chỉ tiêu/ Indicators</b>	<b>Năm/ Year X-1</b>	<b>Năm/ Year X</b>	<b>Ghi chú/Note</b>
<i>1. Quy mô vốn/Capital size</i>			
Vốn điều lệ <i>Charter Capital</i>			
Tổng tài sản có <i>Total assets</i>			
Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
Nợ quá hạn/ <i>Overdue debts</i>			
Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			

Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/ <i>Overdue debts/ Total debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/ <i>Bad debt/ Total debt Ratio</i>			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

- a. Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*
- b. Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual*

*shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

- c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*
- d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*
- e. *Các chứng khoán khác/Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

*6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

*6.1. Tác động lên môi trường:*

*Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission*

*Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

*6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:*

- a. *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*
- b. *Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

*6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:*

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*
- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*
- c. Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*
  - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*
  - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.7. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

**Lưu ý/Note:** (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/*(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/ the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

#### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results.*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*
- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

#### *2. Tình hình tài chính/Financial Situation*

##### *a) Tình hình tài sản/Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

##### *b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*
- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*
- 3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.*
- 4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future*
- 5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*
- 6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*
  - a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*
  - b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues*
  - c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)**

- 1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*
- 2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance*
- 3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors*

#### **V. Quản trị công ty/Corporate governance**

- 1. *Hội đồng quản trị/Board of Directors*

- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).
- b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).
- c. Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.
- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).
- e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

## 2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /*Board of Supervisors/Audit Committee*

- a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).
- b. Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results*).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee
- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).
- b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons).
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.
- d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/Assessing the Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance).

## **VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements**

1. *Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions*
2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ....;

- Lưu/Archived: ...

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*(Signature, full name and seal)*

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
**POWER ENGINEERING CONSULTING**  
**JOINT STOCK COMPANY 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số/No.: /BC-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

## **BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(6 tháng/năm)**

**(6 months/year)**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

- Tên công ty/*Name of company*: .....
- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of headoffice*: .....
- Điện thoại/*Telephone*: ..... Fax: ..... Email: .....
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: .....
- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: .....
- Mô hình quản trị công ty/*Governance model*: .....
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc/*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director*.
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ *General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors*.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện/*The implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented*.

#### **I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders***

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Board of Directors (Semi-annual report/annual report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ/ <i>Position</i> ( <i>Thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành</i> ) ( <i>Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors</i> ))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
	Ông/Bà Mr./Ms.			

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any)
5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>

**III. Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):**

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
	Ông/Bà Mr./Ms.				

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*
4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

**IV. Ban điều hành/Board of Management**

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i>
	Ông/ Bà <i>Mr/Ms.</i>			

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)***

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/

		Securities trading account (if any)	Company (if any)	issue, place of issue		be affiliated person	affiliated person		Relationship with the Company

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. *Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. *Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty <i>Posittion at the listed Company</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>

4. **Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects**

4.1. **Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).**

4.2. **Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).**

4.3. **Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.**

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)**

1. **Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company**

STT No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	(Tên người nội bộ/ <i>Name of internal person</i> )							
1.01	Tên người có liên quan của người nội bộ/ <i>Name of affiliated persons</i>							
1....	...							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/  
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

**Nơi nhận:**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Recipients:**

*(Sign, full name and seal)*

- ...;

- Lưu/Archived: ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

## BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*Kỳ báo cáo: 6 tháng/năm*

*Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....*

STT		Câu hỏi	Phản trả lời
1	<b>Thông tin chung</b>	Mã chứng khoán	
2		Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%)	
3		Mô hình công ty (1 hoặc 2) ▪ 1: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 ▪ 2: Theo Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020	
4		Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty?	
5		Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020 (Có/Không)	
6		Công ty có quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP	
7	<b>Đại hội đồng Cổ Đông</b>	Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/ Bất thường	
8		Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo	
9		Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông	
10		Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành công ở lần thứ mấy (1/2/3)	
11		Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không)	

STT		Câu hỏi	Phần trả lời
12		Số lần bị Sở giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông	
13		Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông	
14	<b>Hội đồng quản trị</b>	Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị	
15		Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	
16		Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc (Có/Không)	
17		Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị	
18		Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (Có/Không)	
19		Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	
20		Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự (Có/Không)	
21		Công ty có bổ nhiệm người phụ trách Quản trị công ty	
22	<b>Ban kiểm soát</b>	Trưởng BKS có làm việc chuyên trách tại công ty không?	
23		Số lượng TV Ban Kiểm soát	
24		Số lượng kiểm soát viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác ( <i>liệt kê tên của kiểm soát viên là người liên quan, nếu có</i> )	
25		Số lượng kiểm soát viên nắm giữ chức vụ quản lý ( <i>liệt kê danh sách và chức vụ, nếu có</i> )	
26		Số lượng kiểm soát viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong <b>vòng 3 năm</b> trước khi được bầu vào BKS (Có/Không)	
27		Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát	

<b>STT</b>		<b>Câu hỏi</b>	<b>Phần trả lời</b>
28		Công ty có Ủy ban kiểm toán không (Có/Không)	
29		Ủy ban kiểm toán trực thuộc bộ phận HĐQT	
30		Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán	
		Số lượng cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	
31	<b>Vấn đề khác</b>	Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không)	
32		Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không)	
33		Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không)	

***Đại diện tổ chức***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

***Nơi nhận:***

- ....;
- Lưu: ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /TB-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH  
NGHIỆP/GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG  
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF  
ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION**

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động số ... ngày .../.../..., do (cơ quan)... cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

*Based on the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation / License of Operation No. ... dated .../.../... issued by ..., we would like to announce the change in the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /License of Operation as follows:*

- Tên tổ chức/*Name of organization*: .....
  - Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: .....
  - Địa chỉ/*Address*: .....
  - Điện thoại liên hệ/*Tel.*: ..... Fax: .....
  - E-mail: .....
  - Website: .....
1. Thông tin trước khi thay đổi/*Information before change*: .....
  2. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change*: .....
  3. Lý do thay đổi (nếu có)/*Reason for change (if any)*: .....

4. Ngày có hiệu lực/*Effective date*: .....
5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động/Receipt date of new certificate of business registration/license of establishment and operation/license of operation: .....
6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../... tại đường dẫn .../*This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link ....*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
*Legal representative/ Person authorized to disclose  
information*

**Nơi nhận:**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

**Recipients:**

*(Signature, full name, position, and seal)*

- ...;

- Lưu/Archived: ...

***Tài liệu đính kèm/Attached  
documents:***

Giấy phép hoạt động mới  
*New Certificate/License*

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /TB-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ  
LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ANNOUNCEMENT OF REGISTRATION (CHANGE IN) CORPORATE  
STRUCTURE AND FINANCIAL STATEMENTS**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà  
Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**  
**To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty ... (tên tổ chức)  
xin thông báo về việc đăng ký (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính  
(BCTC) như sau:

*Based on point a, clause 1 Article 10 of Circular No.96/2020/TT-BTC, we would like to  
make the announcement of registration (change in) corporate structure and financial  
statements as follows:*

- Tên tổ chức/Name of organization: .....
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/Broker code: .....
- Địa chỉ/Address: .....
- Điện thoại liên hệ/Tel.: ..... Fax: .....
- E-mail: .....
- Website: .....

**I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi/Initial disclosed  
information/Information before change:**

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/Corporate structure (tick on  
applicable option only):

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/Having no affiliates or sub-units
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/Having sub-units
- Có công ty con/Having affiliates

- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*
- 2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):*

- BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated Financial statements*
- BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*
- BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

**II. Thông tin sau khi thay đổi (chỉ áp dụng khi thay đổi mô hình và loại BCTC)/ *Information after change (Applicable to change of corporate structure and financial statements only)***

- 1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/*Corporate structure (tick on applicable option only):*

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc /*Having no affiliates or sub-units*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/*Having sub-units*
- Có công ty con/*Having affiliates*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*

- 2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):*

- BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated financial statements*
- BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*
- BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

3. Lý do thay đổi/*Reason for change:*

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:* .....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*

**Nơi nhận:**

- ...;
- Lưu: ...

**Tài liệu đính  
kèm/Attached**

***documents:***

Tài liệu liên quan đến việc  
thay đổi thông tin đã đăng  
ký.

*Documents on the  
changes in the registered  
information.*

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /TB-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT**  
**CHANGE IN NUMBER OF SHARES WITH VOTING RIGHTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà  
Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization: .....
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: .....
- Địa chỉ/Address: .....
- Điện thoại liên hệ/Tel.: ..... Fax: .....
- E-mail: .....
- Website: .....

STT No.	Nội dung Contents	Trước khi thay đổi Before change	Thay đổi Change	Sau khi thay đổi After change	Lý do thay đổi Reason for change
1	Vốn điều lệ (VNĐ) Charter capital (VND)				
2	Tổng số cổ phiếu Total number of shares				
3	Số lượng cổ phiếu quỹ Number of treasury shares				
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết				

	<i>Number of shares with voting rights</i>				
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có) <i>Others (if any)</i>				

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
*Legal representative/ Person authorized to disclose information;*

***Nơi nhận:***

***Recipients:***

- ...;

- Lưu/Archived: ...

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*

***Tài liệu đính kèm/Attached documents:***

- Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi/các tài liệu khác có liên quan

- *Securities Registration Certificate on the change/Other related documents*

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
**POWER ENGINEERING CONSULTING**  
**JOINT STOCK COMPANY 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số/No.: /TB-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ**  
**CHANGE IN PERSONNEL**

*(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm)*  
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số... ngày ... và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số... ngày ..., của Công ty... (tên tổ chức), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty... (tên tổ chức) như sau:

*Based on Board Resolution No. ... dated ... and/or General Mandate No. ... dated ... of ... (name of organization), we would like to announce the change in personnel of ... (name of organization) as follows:*

**Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (\*):**

- Ông (bà)/Mr./Ms.: .....
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization: .....
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position: .....
- Thời hạn bổ nhiệm/Term: .....
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: .....

**Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/In case of dismissal/resignation:**

- Ông (bà)/Mr./Ms.: .....
- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: .....
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any): .....

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: .....

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày.../.../...  
tại đường dẫn.../*This information was published on the company's website on .../.../...*  
(*date*), as in the link...

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu*)

(*Signature, full name, position, and seal*)

**Nơi nhận:**

***Recipients:***

- ...;

- Lưu/Archived: ...

***Tài liệu đính kèm/Attached documents:***

- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự/*Board Resolution and/or  
General Mandate on the change in personnel;*

- Danh sách người nội bộ và những người có liên quan/*List of insiders and their related  
persons*).

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /TB-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở  
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh City Stock Exchange

**1. Người nội bộ/Insider:**

- Ông (bà)/Mr./Ms.: .....
- Chức vụ hiện tại/Current position: .....

**2. Người có liên quan/Related person:**

- Ông (bà)/Mr./Ms.: .....
- Địa chỉ/Address: .....
- Điện thoại/Tel.: .....
- Email: .....
- Số ID, ngày cấp/ID number, Date of issue: .....
- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với người nội bộ/Relationship/Former relationship with insider: .....
- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan/Reason for relationship/no longer being related: .....
- Số lượng cổ phiếu của cá nhân/đại diện sở hữu/ Shareholding (shares): .....
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: .....

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

**Nơi nhận:**

**Recipient:**

- ...;

- Lưu/Archived: ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /TB-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, month ... day ..... year ...

### THÔNG BÁO

**Giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

***NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/ tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/ Tên tổ chức/ *Name of individual/ organisation:*.....

- Quốc tịch/ *Nationality:* .....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*  
.....

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:* .....

- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:.....

Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: .....
2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund)*:
- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person*: .....
  - Quốc tịch/ *Nationality*: .....
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.: .....
  - Địa chỉ thường trú/Permanent address: .....
  - Điện thoại liên hệ/Telephone: ..... Fax:.....Email:.....
  - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company*: .....
  - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person*: .....
  - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any)*: .....
3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code*: .....
- Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Underlying securities code (for covered warrants)*: .....
4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/ *Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above*: ..... tại công ty chứng khoán/ *In the securities company*: .....
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction*: .....
- Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/ *Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants \**: .....

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap*:
- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Type of transaction registered (to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred/ swap*: .....
  - Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ *Number of shares/ fund certificates/covered warrants registered for trading*:
7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/*The expected value of transaction (which calculated based on par value)*: .....
- Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants)*: .....
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number and ownership percentage of shares/ fund certificates/ covered warrants expected to hold after the transaction*:
9. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purpose of transaction*:
10. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction*:
11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Expected trading time*: từ ngày/ *from*.... đến ngày/ *to* ....
- \* Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/ *Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice*: .....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

**Nơi nhận:**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

**Recipients:**

(Signature, full name and seal - if any)

- ...;

- Lưu/Archived: ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /TB-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

### THÔNG BÁO

**Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

***NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES, CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/ Tên tổ chức/ *Name of individual/organisation:*.....

- Quốc tịch/ *Nationality:*.....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp /*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue:*  
.....

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:* .....

- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:.....

Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: .....
2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information of Internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of Internal person of the public company/public fund)*:
- Họ và tên người nội bộ/*Name of Internal person*: .....
  - Quốc tịch/*Nationality*: .....
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.*: .....
  - Địa chỉ thường trú/*Permanent address*: .....
  - Điện thoại liên hệ/*Telephone*: ..... Fax:..... Email:.....
  - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company*: .....
  - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organization executing the transaction with the Internal person*: .....
  - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any)*: .....
3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*: .....
4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/ *Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above*:..... tại công ty chứng khoán/*In the securities company*: .....
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction of executing rights of purchase or convert bonds into shares*: .....
6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights or convertible bonds owned*:
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi)/*Number of convertible bonds owned (in case of exercising trading of convertible bonds or rights to buy convertible bonds)*: .....

- Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights to purchase shares/fund certificates/convertible bonds owned currently:..*  
.....
- 7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/*Proportion of executing rights to purchase (in case of trading the purchase right) or proportion of converting bonds into shares (in case of convertible bond trading): .....*
- 8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*
  - Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng)/ *Type of transaction registered (to purchase/ sell/ present/be presented/ donate/ be donated/ Inherit/transfer/ be transferred): .....*
  - Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký giao dịch/ *Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered for trading:.....*
- 9. Giá trị chuyển nhượng dự kiến/ *Expected transferred value: .....*
- 10. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/ fund certificates/ convertible bonds expected to hold after exercising the right to purchase or number of shares expected to hold after converting bonds into shares: .....*
- 11. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction: .....*
- 12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Expected trading time: từ ngày/from.... đến ngày/to....*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

**Nơi nhận:**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)*

**Recipients:**

*(Signature, full name and seal -if any)*

- ....;

- Lưu/Archived: ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /BC-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

### BÁO CÁO

**Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội  
bộ và người có liên quan của người nội bộ**

***REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND  
CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND  
AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng  
khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund  
management company.

1. Thông tin về cá nhân/ tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/  
organisation conducting the transaction:* .....
- Họ và tên cá nhân/ Tên tổ chức/ *Name of individual/ organisation:* .....
- Quốc tịch/ *Nationality:* .....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng  
ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ  
chức), ngày cấp, nơi cấp/ *Number of ID card/passport (in case of an individual) or  
number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal  
document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:* .....
- Địa chỉ liên hệ/ Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact address/address of head office:* .....
- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax: .....
- Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: .....
  - Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/*position at the public company, the fund management company on the registration date (if any)*: ..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do)/*and the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the fund management company (specify the reason)*: .....
- (Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/This item is only for cases in which the person subject to registration, after the trading registration, is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, fund management company.)*
2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information on the internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation conducting transaction (in case the person who conduct transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund)*:
- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person*: .....
  - Quốc tịch/*Nationality*:.....
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.*: .....
  - Địa chỉ thường trú/*Permanent address*:.....
  - Điện thoại liên hệ/*Telephone*: ..... Fax: ..... Email: .....
  - Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company, the fund management company on the date when the individual/organisation mentioned in item 1 registers for the transaction*:.....
  - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company*:.....
  - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person*: .....
  - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership percentage of shares/ fund certificates/ covered warrants held by the internal person (if any)*: .....

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*: .....
- Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (in case of covered warrants)*:
4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/ *Trading accounts having shares/ fund certificates/ covered warrants as mentioned at item 3*:..... tại công ty chứng khoán/ *In securities company*: .....
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares/ fund certificates/ covered warrants held before the transaction*: .....
- Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Number, ownership percentage of underlying securities (as mentioned at item 3) held before trading the covered warrants (in case of covered warrants)*:.....
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng / *Number of shares/ fund certificates/ covered warrants registered to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred*:
- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng)/ *Type of transaction registered (to purchase/ sell/ present/ be presented / donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred)*: .....
  - Số lượng cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ *Number of shares/ fund certificates/ covered warrants registered for trading*: .....
7. Số lượng cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/ *Number of shares/ fund certificates/ covered warrants being traded (purchase/ sell/ present/ be present/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred/ swap)*:
- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/*Type of transaction executed (to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inher it/ transfer/ be transferred/ swap)*: .....
  - Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ *Number of shares/ fund certificates/ covered warrants traded*: .....
8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/*the value of executed transaction (calculated based on par value)*: .....
- Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/ *Value of covered warrants traded (at the latest issuing price)*:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person executing the transaction: .....
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction of the executor and affiliated person: .....
10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants \*: .....
11. Phương thức giao dịch/ Method of transaction: .....
12. Thời gian thực hiện giao dịch/ Trading time: từ ngày/from ..... đến ngày/to .....
13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed): .....
- \*: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results: .....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/  
PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE  
INFORMATION**

**Nơi nhận:**  
**Recipients:**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal -if any)

- ....;  
- Lưu/Archived: ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /TB-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

### BÁO CÁO

**Kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

***REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/ tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organisation conducting the transaction:* .....
- Họ và tên cá nhân/ Tên tổ chức/ *Name of individual/ organisation:* .....
- Quốc tịch/ *Nationality:*.....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of Issue:* .....
- Địa chỉ liên hệ/ Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact address/ address of head office:*.....
- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax: .....
- Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: .....
  - Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ *Position in the public company, the public fund management company on the date of trading registration (if any)*: ..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do) \*/ *and on the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company (specify the reason) \**: .....
- (\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng/ This item is only for cases when the deadline of the trading registration is unexpired, the person subject to registration is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company/public fund).*
2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/ quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/ tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/ quỹ đại chúng)/ *information on internal person of the public company/ public fund is the affiliated person of the individual/organisation executing the transaction (in case the trader is an affiliated person of internal person of the public company/ public fund)*:
- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person*: .....
  - Quốc tịch/ *Nationality*: .....
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/ Passport No.*: .....
  - Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: .....
  - Điện thoại liên hệ/ *Telephone*: ..... Fax: ..... Email: .....
  - Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/ tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ *Position in the public company, the fund management company on the date when individual/organisation mentioned in item 1 registers the transaction*: .....
  - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company*: .....
  - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person*: .....

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):*.....
3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*.....
  4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3:*..... tại công ty chứng khoán/in *the securities company:*.....
  5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the trading of convertible bonds, rights to buy shares/fund certificates, rights to buy convertible bonds:*.....
  6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi/*Number of convertible bonds before the transaction (in case of trading convertible bonds or rights to buy convertible bonds):* .....
  7. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch/ *Number of rights to buy shares/ fund certificates/ convertible bonds before the transaction:* .....
  8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Percentage of executing the rights to purchase or convert bonds into shares:* .....
  9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) registered to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/transfer/ be transferred:*
    - Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/ *Type of transaction registered (to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred):*.....
    - Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký thực hiện/ *Number of registered rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds):*.....
  10. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/ bán/ cho/ được

cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of traded rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds) to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred:*

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng)/ *Type of transaction executed (to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/transfer/ be transferred):...*  
.....
- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện/ *Number of executed rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds): .....*
- 11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành)/ *The value of executed transaction (calculated based on par value or issuing price): .....*
- 12. Số lượng cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/ fund certificates convertible bonds expected to hold after exercising the right to buy or number of shares expected to hold after converting bonds into shares: .....*
- 13. Phương thức giao dịch/*Method of transaction: .....*
- 14. Thời gian thực hiện giao dịch/*Trading time: từ ngày/from .... đến ngày/to ...*
- 15. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/ *The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed): .....*

Trường hợp báo cáo kết quả giao dịch chuyển nhượng quyền cần gửi kèm tài liệu xác nhận giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền/ *In case of reporting the result of right transfer, documents certifying the value of right transfer shall have to be attached.*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

**Nơi nhận:  
Recipients:**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal -if any)*

- ....;

- Lưu/Archived: ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /TB-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

### BÁO CÁO

Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở  
lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng

#### ***REPORT ON THE DA YBECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS, INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND CERTIFICATES***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng  
khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment  
fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/organization:*
  - Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư /*Name of individual/ organisation*:.....
  - Quốc tịch/*Nationality*: .....
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue*: .....
  - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact Address/ address of head office*:.....
  - Điện thoại/*Telephone*:..... Fax:.....
  - Email: ..... Website: .....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated persons/ organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates)*:
  - Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated persons*: .....
  - Quốc tịch/*Nationality*: .....
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi Cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue*: .....
  - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any)*: .....
  - Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with individuals/ organisations*: .....
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/ *Ownership percentage of shares*: .....
3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of shares/fund certificates owned*: .....
4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above*: Tại công ty chứng khoán/*At the securities company*:.....
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction*: .....
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Number of shares or fund certificates purchased, sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates*:.....
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap)*:.....
8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became /ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-endfund certificates*: .....

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons:* .....
10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction: ....*
- .....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**ORGANIZATION/INDIVIDUAL AUTHORIZED TO  
REPORT AND DISCLOSE INFORMATION**

***Nơi nhận:***

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)*

***Recipients:***

*(Signature, full name and seal - if any)*

- ...;

- Lưu/Archived: ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2  
POWER ENGINEERING CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: /BC-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

### BÁO CÁO

Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/  
chứng chỉ quỹ đóng

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR  
SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF  
SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng  
khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment  
fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/*Name of individual/orgamsation*: .....
- Quốc tịch/*Nationality*: .....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue*: .....
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*: .....
- Điện thoại/*Telephone*: ..... Fax: .....
- Email: ..... Website: .....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated person of individual/organisation (currently holding the same types of shares/fund certificates)*:.....
  - Họ và tên cá nhân/ Tên tổ chức có liên quan/ *Full name of affiliated individual/organisation*:.....
  - Quốc tịch/*Nationality*:.....
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue*:.....
  - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position in the public company/fund management company (if any)*:.....
  - Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/organization*:.....
3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name of shares/fund certificates/ code of securities owned*:.....
4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with shares at above-mentioned 3 point*:..... Tại công ty chứng khoán/*in the securities company*:.....
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction*:.....
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%)/*Number of shares/fund certificates bought/sold/transferred/received the transfer/swaped (making the ownership percentage change over the threshold of one percent (1%))*:.....
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held after the transaction*:.....
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/*Number and ownership percentage of shares/close-ended fund certificates currently held by the affiliated person*:.....

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held affiliated persons after the transaction: .....*
10. Lý do thay đổi sở hữu/*Reasons for ownership change:.....*
11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/*Trading day changes the ownership percentage:.....*
12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/*Other significant changes (if any):.....*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

**Nơi nhận:**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)*

**Recipients:**

*(Signature, full name and seal - if any)*

- ....;

- Lưu/Archived: ...

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
**POWER ENGINEERING CONSULTING**  
**JOINT STOCK COMPANY 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số/No.: /PECC2-...

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
***EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: .....
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: .....
- Địa chỉ/*Address*: .....
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: ..... Fax: .....
- E-mail: .....

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

.....  
.....  
.....

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../... tại đường dẫn .../*This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link ....*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
*Legal representative/ Person authorized to disclose  
information*

**Nơi nhận:**

***Recipients:***

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*

- ...;

- Lưu/Archived: ...

***Tài liệu đính kèm/Attached  
documents:***

Tài liệu liên quan đến nội  
dung thông tin công  
bố/ *Documents on disclosed  
information.*

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
VIETNAM ELECTRICITY  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
**POWER ENGINEERING CONSULTING**  
**JOINT STOCK COMPANY 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số/No.: /PECC2-...

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...  
Ho Chi Minh City, day ... month ... year ...

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: .....  
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: .....  
- Địa chỉ/*Address*: .....  
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: ..... Fax: .....  
- E-mail: .....

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

.....  
.....  
.....

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../... tại đường dẫn .../*This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link ....*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
*Legal representative/ Person authorized to disclose  
information*

**Nơi nhận:**

***Recipients:***

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*

- ...;

- Lưu/Archived: ...

***Tài liệu đính kèm/Attached  
documents:***

Tài liệu liên quan đến nội  
dung thông tin công  
bố/ *Documents on disclosed  
information.*

## DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN (CÁ NHÂN, TỔ CHỨC) ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

Mã chứng khoán:

Tên Công ty:

Ngày chốt:

STT	Mã chứng khoán	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Mối quan hệ đối với người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Text	Text	Text	Text	Text	Text	Text	Date (dd/mm/yyyy)	Date (dd/mm/yyyy)	Text
1	ABC	Nguyễn Văn A	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		CMND	012345678	01/01/1999	20/10/2022	
1.01	ABC	Nguyễn Thị B		Vợ	Hộ chiếu	C111111111	01/01/1999		
1.01	ABC	Nguyễn Thị B		Vợ	CCCD	012345678912	01/01/1999		
1.01	ABC	Nguyễn Thị B		Vợ	CMND	000111222	01/02/1999		
1.02	ABC	Nguyễn Văn C		Con trai	Không có	Không có			Còn nhỏ
1.03	ABC	Nguyễn Văn D		Bố đẻ	Không có	Không có			Đã mất
1.04	ABC	CTCP ABC		Ông Nguyễn Văn A làm PTGD	ĐKKD	0333333330	01/01/1999	01/01/2022	
1.05	ABC	CTCP Đầu tư XYZ		Ông Nguyễn Văn A làm CTHĐQT	ĐKKD	1234567899	01/02/2020	01/06/2023	
.....									
2	ABC	Nguyễn Thị AB	Thành viên hội đồng quản trị/Phó Tổng Giám đốc		CMND	234567891	01/01/2020		
2	ABC	Nguyễn Thị AB	Thành viên hội đồng quản trị/Phó Tổng Giám đốc		CCCD	012356789567	01/01/2022		
2.01	ABC	Lê Thị Lợi		Mẹ đẻ	CCCD	789456231456	01/01/2022		
2.02	ABC	Vũ Thị Hoa		Chị dâu	CCCD	654789123456	01/01/2022		
2.03	ABC	Đình Quốc Tuấn		Anh rể	Không có	Không có			Không cung cấp thông tin
.....									

STT	Mã chứng khoán	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Mối quan hệ đối với người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	ABC	Công ty Cổ phần BCD		Công ty mẹ của Tổ chức niêm yết	ĐKKD	1234567898	01/01/1999		
4	ABC	Công đoàn của Công ty Cổ phần XYZ		Tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (Công đoàn, đoàn thanh niên....)	QĐTL	56/QĐ-LĐ	01/01/1999		

**NGƯỜI LẬP**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (Mã CK: TV2)

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ**

**Kỳ chốt tính đến:**

Ngày chốt dữ liệu:

STT	Mã cổ phiếu	Cá nhân/ tổ chức (tên người đại diện tổ chức)	Phân loại cổ đông			Số Chứng minh nhân dân/ Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu đã được lưu ký	Ngày chốt danh sách sở hữu	Ghi chú
			Cổ đông nhà nước	Cổ đông chiến lược	Cổ đông lớn							
<b>I. Cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn</b>												
1	AAA	Nguyễn Văn A			X							
2												
3												
...												
<b>II. Cổ phiếu quỹ</b>												

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Ghi chú:**

Cột "Ghi chú": Nêu rõ cá nhân/ tổ chức là quỹ đầu tư hay công ty chứng khoán (nếu có)